

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG

Số 525, Đ. Hùng Vương, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Công ty

Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201900473 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/08/2018, đăng ký sửa đổi lần thứ 04 ngày 26/05/2022.

Trụ sở chính

Số 525, Đường Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Hồng Văn	Chủ tịch
Bà: Nguyễn Thị Hoãn	Ủy viên
Ông: Trương Thế Quỳnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Hồng Văn	Giám đốc
Ông: Trương Thế Quỳnh	Phó Giám đốc
Ông: Phạm Tiến Mạnh	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Ngát	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông: Phan Huy Trung	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÙNG VƯƠNG

Số 525, Đ. Hùng Vương, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2024

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Lê Hồng Văn

Số: 203/BCKT-TC/AVA.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương, được lập ngày 18/03/2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

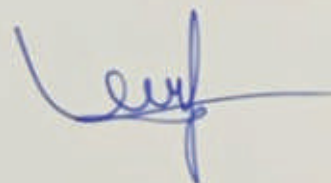
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bao bì Hùng Vương tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán số 0448-2023-126-1
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Ngọc Sao
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán số 6178-2023-126-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.880.414.940	66.330.278.239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.546.356.589	13.350.834.229
1. Tiền	111		6.046.356.589	6.350.834.229
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	7.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.419.622.314	33.723.696.973
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	33.285.675.121	33.378.511.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	301.860.800	1.079.974.488
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	169.655.379	241.831.152
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(1.337.568.986)	(976.620.012)
III. Hàng tồn kho	140		15.205.707.624	15.885.111.660
1. Hàng tồn kho	141	V.7	15.205.707.624	15.885.111.660
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.708.728.413	3.370.635.377
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	344.574.080	401.958.153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.033.674.033	2.638.196.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	330.480.300	330.480.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.975.019.919	29.661.366.897
I. Tài sản cố định	220		18.410.944.154	17.537.615.089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.389.277.487	17.495.948.422
- Nguyên giá	222		41.530.773.034	34.524.199.952
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.141.495.547)	(17.028.251.530)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.666.667	41.666.667
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(78.333.333)	(58.333.333)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	8.043.726.079	11.427.949.617
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.956.273.921)	(572.050.383)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.520.349.686	695.802.191
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	1.370.349.686	545.802.191
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	150.000.000	150.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		96.855.434.859	95.991.645.136

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.415.575.449	43.100.173.252
I. Nợ ngắn hạn	310		41.479.575.449	40.070.173.252
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	17.364.120.716	16.456.170.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	336.600	5.032.823
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	1.899.813.996	1.614.036.295
4. Phải trả người lao động	314		6.854.524.239	6.650.255.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.108.800	19.537.853
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	89.605.052	130.769.484
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	13.516.232.046	13.298.937.327
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.753.834.000	1.895.434.000
II. Nợ dài hạn	330		936.000.000	3.030.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	936.000.000	3.030.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.439.859.410	52.891.471.884
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	54.439.859.410	52.891.471.884
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.096.040.000	8.096.040.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.403.212.000	2.403.212.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		736.407.000	736.407.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.204.200.410	11.655.812.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.225.289.884	6.027.828.519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.978.910.526	5.627.984.365
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		96.855.434.859	95.991.645.136

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngát

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoàn

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2024



Lê Hồng Văn

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	229.892.558.794	262.625.301.926
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		229.892.558.794	262.625.301.926
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	194.659.977.958	231.166.979.822
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.232.580.836	31.458.322.104
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	211.594.102	96.244.454
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.443.388.958	1.926.413.484
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.056.388.922	1.354.363.101
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.640.737.442	10.073.756.019
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.345.512.378	8.993.173.423
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.014.536.160	10.561.223.632
10. Thu nhập khác	31	VI.6	20.000.000	2.115.686.151
11. Chi phí khác	32	VI.7	-	93.414.380
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		20.000.000	2.022.271.771
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.034.536.160	12.583.495.403
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.625.102.634	2.524.988.038
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.409.433.526	10.058.507.365
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	3.469,81	3.361,53

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Ngát

Nguyễn Thị Hoàn

Lê Hồng Văn

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		237.597.638.753	279.775.779.585
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và DV	02		(170.114.609.119)	(215.206.304.456)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.894.305.442)	(35.932.486.147)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.074.817.975)	(1.585.335.341)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.541.663.112)	(1.948.967.565)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		107.936.100	8.132.382.505
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.949.185.385)	(7.356.168.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.130.993.820	25.878.900.296
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.659.402.921)	(7.017.754.529)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(29.111.754)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		233.617.705	55.900.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.425.785.216)	(6.990.966.013)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		-	16.192.080.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	38.858.826.169	56.182.993.679
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(40.735.531.450)	(73.374.363.520)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.639.519.850)	(7.601.769.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.516.225.131)	(8.601.059.827)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		188.983.473	10.286.874.456
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.350.834.229	3.062.260.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		6.538.887	1.699.594
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		13.546.356.589	13.350.834.229

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngát

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoân

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2024



Lê Hồng Văn